

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHU CẦU TÍN DỤNG CHÍNH THỨC CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP NGƯỜI KHMER Ở TRÀ VINH VÀ NGƯỜI CHĂM Ở AN GIANG

ThS. Nguyễn Quốc Nghi\*

## Tóm Tắt

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của người Khmer ở Trà Vinh và người Chăm ở An Giang. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập thông qua cuộc phỏng vấn trực tiếp 150 hộ Khmer và 90 hộ Chăm. Mô hình Binary Logistic được sử dụng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của người Khmer và Chăm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, những nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của hộ Khmer ở tỉnh Trà Vinh là: trình độ học vấn của chủ hộ, số thành viên trong gia đình, loại hộ, việc tham gia tổ chức xã hội, loại hình nghề nghiệp của hộ. Đối với người Chăm ở tỉnh An Giang thì các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức là: trình độ học vấn của chủ hộ, số thành viên trong hộ, diện tích đất của hộ, loại hộ nghèo và tham gia sản xuất nông nghiệp.

## Abstract

This research aims at identifying factors that influence the need for official credits among Khmer people in Tra Vinh province and Cham people in An Giang province. Research data are collected through direct interview with 150 Khmer households and 90 Cham households. Binary logistic model is used to identify factors that influence the need for official credits among Khmer and Cham people. Research results show that factors that influence this need among Khmer people in Tra Vinh include households' heads' educational level, number or household members, household type, participation into social organization and households' occupation type. Meanwhile, those of Cham people in An Giang consist of households' heads' educational level, number or household members, households' area, poor household types and participation into agricultural production.

## 1. Đặt vấn đề nghiên cứu

Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng có nhiều dân tộc khác nhau như: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm cùng chung sống. Trong đó, phải kể đến là dân tộc Chăm tập trung nhiều nhất tỉnh An Giang và dân tộc Khmer tập trung chủ yếu ở tỉnh Trà Vinh, đây là hai dân tộc có rất nhiều những đặc điểm nhân chủng riêng, có ngôn ngữ riêng, chữ viết riêng, có bản sắc văn hoá riêng và việc chọn sinh kế cũng rất

phong phú và đa dạng. Ở Trà Vinh có đồng bào Khmer chiếm 30%, tập trung đông nhất ở 2 huyện Trà Cú và Châu Thành. Còn ở An Giang có cộng đồng người Chăm, với trên 2.500 hộ, trên 13.700 người (chiếm 0,61% dân số). Phần lớn đồng bào Chăm sống dọc theo sông Hậu ở các xã Vĩnh Trường, Quốc Thái, Nhơn Hội, Khánh Bình, Đa Phước thuộc huyện An Phú và các xã thuộc các huyện khác như Châu Phong, Phú Hiệp, Khánh Hòa, Vĩnh Hanh và phường Mỹ Long (thành phố Long Xuyên).

\*Trường Đại học Cần Thơ

Do những điều kiện khách quan lẫn chủ quan nên đời sống kinh tế xã hội của người Chăm và người Khmer thường không ổn định. Những năm qua, mặc dù lãnh đạo hai tỉnh An Giang và Trà Vinh đã có nhiều cố gắng để thực hiện các chính sách nhằm ổn định và nâng cao đời sống cho hai dân tộc này, nhưng do những hạn chế về trình độ văn hoá, kinh nghiệm làm ăn, và nhất là do lao động trẻ, nên nhiều gia đình đồng bào Chăm và Khmer vẫn sống trong sự nghèo khổ, khó khăn. Một trở ngại không nhỏ nữa của cả người Khmer ở Trà Vinh và Chăm ở An Giang là khả năng tài chính để đầu tư sản xuất kinh doanh còn nhiều hạn chế. Thực tế cho thấy, nhu cầu tín dụng của họ là khá lớn nhưng khả năng tiếp cận tín dụng chính thức thì rất thấp mà chủ yếu là tín dụng phi chính thức. Vì thế, nghiên cứu này sẽ tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của người Khmer ở Trà Vinh và người Chăm ở An Giang.

## 2. Lược khảo một số nghiên cứu liên quan

Tính đến nay đã có rất nhiều nghiên cứu về lĩnh vực tín dụng của hộ gia đình được công bố, do khuôn khổ có hạn của một bài báo không thể liệt kê tất cả các nghiên cứu về lĩnh vực tín dụng của nông hộ, vì thế tác giả chỉ nêu một số nghiên cứu có liên quan đến chủ đề của bài viết. Đầu tiên, đó là nghiên cứu của Izumida và Phạm Bảo Dương (2002) về “Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đi vay của nông hộ trên thị trường tín dụng nông thôn Việt Nam”. Sử dụng mô hình Tobit, các tác giả đã chỉ ra rằng, diện tích đất và tổng giá trị vật nuôi của nông hộ là hai nhân tố chính ảnh hưởng đến quyết định đi vay và lượng vốn vay của nông hộ.

Zeller (1994) tiến hành nghiên cứu về “Các yếu tố quyết định đến hạn chế tín dụng

ở những người cho vay không chính thức và những tổ chức cho vay chính thức ở Madagascar”. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, những tổ chức cho vay chính thức thu thập và sử dụng các thông tin về khả năng trả nợ của những người xin vay vốn tương tự như những người cho vay không chính thức. Những người cho vay không chính thức và các tổ chức tín dụng chính thức đều dựa vào các thông tin như sự giàu có, số nợ hiện tại và thu nhập trong tương lai của người xin vay (để làm cơ sở quyết định việc cho vay).

Nguyễn Quốc Nghi (2010) nghiên cứu “Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa ở tỉnh Đồng Tháp”. Mục tiêu của nghiên cứu là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa. Số liệu thu thập được bằng cách phỏng vấn trực tiếp 250 nông hộ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh và sử dụng mô hình Binary Logistic để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của nông hộ, tác giả cho thấy, những nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa là: Trình độ học vấn của chủ hộ, kinh nghiệm sản xuất của chủ hộ, việc tham gia tổ chức xã hội, diện tích đất thực tế của nông hộ và việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Trương Đông Lộc và Trần Bá Duy (2008) nghiên cứu “Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”. Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ một cuộc điều tra 152 nông hộ. Áp dụng mô hình Probit, kết quả phân tích cho thấy, các nhân tố có ảnh hưởng đến khả năng

tiếp cận tín dụng của nông hộ bao gồm: Tuổi của chủ hộ, số thành viên trong gia đình, trình độ học vấn của chủ hộ, diện tích đất của hộ, khả năng đi vay từ các nguồn không chính thức, thu nhập của hộ và tổng tài sản của hộ.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Số liệu sử dụng cho nghiên cứu này được thu thập từ cuộc điều tra trực tiếp 150 hộ Khmer ở tỉnh Trà Vinh và 90 hộ Chăm ở An Giang bằng phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên vào tháng 04 năm 2010. Đối tượng được phỏng vấn là những hộ có nhu cầu vay vốn và không có nhu cầu vay vốn của các tổ chức tín dụng chính thức. Nghiên cứu này sử dụng phần mềm SPSS để hỗ trợ trong việc phân tích số liệu. Mô hình Binary Logistic được sử dụng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của hộ Khmer ở Trà Vinh và hộ Chăm ở An Giang. Mô hình phân tích có phương trình:

$$\text{Loge} \left[ \frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5$$

Trong đó: Y là biến nhu cầu vay vốn của hộ (Khmer hoặc Chăm) hay hộ Chăm và được đo lường bằng hai giá trị 1 và 0 (0 là không có nhu cầu vay vốn, 1 là có nhu cầu vay vốn). Biến  $X_1, X_2, X_3, X_4, X_5$  là các biến độc lập.

### 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, khoảng 49,5% hộ Khmer và hộ Chăm không có nhu cầu tín dụng chính thức và 50,5% có nhu cầu tín dụng chính thức. Nguồn vốn mà người Khmer tiếp cận nhiều nhất là từ các hội, nhóm câu lạc bộ (25%), vay từ người quen (18%), chơi hội (16%). Hầu như người Khmer và người Chăm ít tiếp cận nguồn tín dụng từ các tổ chức chính thức như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách Xã hội. Thực tế cho thấy, rất nhiều nguyên nhân tác động đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của người Khmer và người Chăm, bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Trước khi phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của người Khmer và người Chăm, tác giả đã sử dụng một số công cụ thống kê tiến hành kiểm tra giá trị của các biến số trong mô hình nhằm tránh các trường hợp làm lệch kết quả nghiên cứu, chẳng hạn vấn đề biến nội sinh, đa cộng tuyến,... Kết quả cho thấy, biến diện tích đất sản xuất của người Khmer và biến tham gia các tổ chức xã hội của người Chăm không phù hợp với mô hình nghiên cứu. Sử dụng phần mềm SPSS để phân tích mô hình Binary Logistic cho kết quả như sau:

**Bảng 1: Kết quả phân tích hồi quy bằng mô hình Binary Logistic**

Nhân tố	B	S.E.	Wald	df	Sig.	Exp(B)
<b>Mô hình 1: Nghiên cứu trường hợp người Khmer ở Trà Vinh</b>						
Hằng số	-31,090	14,598	4,536	1	0,033	0,000
X1: Trình độ chủ hộ	3,918	2,002	3,832	1	0,050	50,296
X2: Số thành viên trong hộ	2,661	1,411	3,558	1	0,059	14,310
X3: Loại hộ (0: không thuộc hộ nghèo; 1: hộ nghèo)	13,460	6,503	4,284	1	0,038	700.610,560
X4: Tham gia tổ chức xã hội (0: không tham gia, 1: có tham gia)	7,297	3,677	3,940	1	0,047	1.476,384

X5: Loại hình nghề nghiệp (0: hộ có nghề khác, 1: hộ làm nông nghiệp)	7,407	4,099	3,265	1	0,071	1.647,232
Sig.	0,000					
-2 Log likelihood	12,46					
Cox & Snell R Square	0,691					
Nagelkerke R Square	0,922					
<b>Mô hình 2: Nghiên cứu trường hợp người Chăm ở An Giang</b>						
Hằng số	-4,431	2,389	3,441	1	0,064	0,012
X1: Trình độ của chủ hộ	1,670	0,861	3,760	1	0,052	5,313
X2: Số thành viên trong hộ	-0,721	0,391	3,408	1	0,065	0,486
X3: Diện tích đất của hộ	0,017	0,009	3,676	1	0,055	1,017
X4: Loại hình nghề nghiệp (0: hộ có nghề khác, 1: hộ làm nông nghiệp)	5,025	1,703	8,710	1	0,003	152,174
X5: Loại hộ (0: không thuộc hộ nghèo; 1: hộ nghèo)	3,307	1,301	6,464	1	0,011	27,304
Sig.	0,000					
-2 Log likelihood	27,39					
Cox & Snell R Square	0,601					
Nagelkerke R Square	0,802					

**Đối với mô hình 1: Nghiên cứu trường hợp người Khmer ở Trà Vinh:**

Kết quả phân tích cho thấy: (1) Kiểm định giả thuyết về độ phù hợp tổng quát có mức ý nghĩa quan sát Sig. = 0,00 nên ta bác bỏ giả thuyết  $H_0$  là hệ số hồi qui của các biến độc lập bằng không. (2) Giá trị  $-2LL = 12,46$  thể hiện mức độ phù hợp của mô hình tổng thể. (3) Mức độ dự báo trùng của toàn bộ mô hình là 95%. Kiểm định Wald về ý nghĩa của các hệ số hồi qui tổng thể của biến X1 (trình độ học vấn chủ hộ), X2 (số thành viên trong hộ), X3 (loại hộ), X4 (tham gia tổ chức xã hội), X5 (loại hình nghề nghiệp) đều có mức ý nghĩa sig. nhỏ hơn 0,1 nên ta an toàn bác giả thuyết:  $H_0: \beta_{x1} = 0, \beta_{x2} = 0, \beta_{x3} = 0, \beta_{x4} = 0, \beta_{x5} = 0$ . Như vậy, các hệ số hồi qui tìm được có ý nghĩa và mô hình của chúng ta sử dụng tốt. Từ các hệ số hồi qui này ta viết được phương trình:

$$\text{Log}_e \left[ \frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = -31,090 + 3,918 X1 + 2,661 X2 + 13,46 X3 + 7,297 X4 + 7,407 X5$$

Kết quả phân tích còn cho thấy, trong 5 biến đưa vào mô hình Binary Logistic thì cả 5 biến đều tác động cùng chiều với biến phụ thuộc. Các biến trình độ học vấn, loại hộ, tham gia tổ chức xã hội có ý nghĩa ở mức 5%, còn các biến số thành viên và loại hình nghề nghiệp có ý nghĩa ở mức 10% (nhiều nhà nghiên cứu như Lê Khương Ninh và Tống Văn Thắng, 2008; Trương Đông Lộc và Trần Bá Duy, 2008; Võ Thành Danh, 2008; Mai Văn Nam và Võ Hồng Phương, 2009; Nguyễn Quốc Nghi, 2010 đã sử dụng mức ý nghĩa 10% để giải thích các biến độc lập trong mô hình Binary logistic). Từ đó cho thấy, các biến trình độ học vấn của chủ hộ, số thành viên trong hộ, loại hộ, việc tham gia các tổ chức xã hội và loại hình nghề nghiệp

tương quan thuận với nhu cầu tín dụng chính thức của hộ Khmer, hay nói cách khác, khi tăng trình độ học vấn chủ hộ, số thành viên trong hộ thì nhu cầu tín dụng chính thức của hộ Khmer sẽ tăng và nếu hộ Khmer thuộc nhóm hộ nghèo, có tham gia các tổ chức xã hội và tham gia sản xuất nông nghiệp thì nhu cầu tín dụng chính thức sẽ cao hơn và ngược lại.

### *Đối với mô hình 2: Nghiên cứu trường hợp người Chăm ở An Giang:*

Mô hình Binary Logistic cho kết quả như sau: (1) Kiểm định giả thuyết về độ phù hợp tổng quát có mức ý nghĩa quan sát Sig. = 0,00 nên ta bác bỏ giả thuyết  $H_0$  là hệ số hồi qui của các biến độc lập bằng không. (2) Giá trị  $-2LL = 27,39$  thể hiện mức độ phù hợp của mô hình tổng thể. (3) Mức độ dự báo đúng của toàn bộ mô hình là 90%. Kiểm định Wald về ý nghĩa của các hệ số hồi qui tổng thể của biến  $X_1$  (trình độ học vấn chủ hộ),  $X_2$  (số thành viên trong hộ),  $X_3$  (Diện tích đất của hộ),  $X_4$  (loại hình nghề nghiệp),  $X_5$  (loại hộ) đều có mức ý nghĩa sig. nhỏ hơn 0,1 nên ta an toàn bác giả thuyết:  $H_0: \beta_{x_1} = 0, \beta_{x_2} = 0, \beta_{x_3} = 0, \beta_{x_4} = 0, \beta_{x_5} = 0$ . Từ các hệ số hồi qui này ta viết được phương trình:

$$\text{Log}_e \left[ \frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = -4,431 + 1,67X_1 +$$

$$-0,721X_2 + 0,17X_3 + 5,025X_4 + 3,307X_5$$

Từ phương trình trên cho thấy, trong 5 biến đưa vào mô hình Binary Logistic thì cả 5 biến đều tác động cùng chiều với biến phụ thuộc. Biến loại hình nghề nghiệp có ý nghĩa ở mức 1%, biến loại hộ có ý nghĩa ở mức 5%, các biến còn lại có ý nghĩa ở mức 10%. Từ đó cho thấy, các biến trình độ học vấn của chủ hộ, số thành viên trong hộ, diện tích đất của hộ, loại hình nghề nghiệp, số thành viên của hộ tương quan thuận với nhu cầu tín dụng chính thức của hộ, hay nói cách khác, khi tăng trình độ học vấn

của chủ hộ, số thành viên trong hộ, diện tích đất của hộ thì nhu cầu tín dụng chính thức của hộ Chăm sẽ tăng và nếu hộ Chăm thuộc nhóm hộ nghèo và tham gia sản xuất nông nghiệp thì nhu cầu tín dụng chính thức sẽ cao hơn và ngược lại.

### 5. Kết luận

Thông qua sử dụng mô hình Binary Logistic, nghiên cứu này đã xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của người Khmer ở Trà Vinh và người Chăm ở An Giang. Nhu cầu tín dụng chính của người Khmer tỷ lệ thuận với trình độ học vấn của chủ hộ, số thành viên trong hộ, loại hộ nghèo, việc tham gia vào các tổ chức xã hội và tham gia sản xuất nông nghiệp. Trong khi, nhu cầu tín dụng chính của người Chăm tỷ lệ thuận với trình độ học vấn của chủ hộ, số thành viên trong hộ, diện tích đất của hộ, loại hộ nghèo và tham gia sản xuất nông nghiệp. Trong đó, loại hộ nghèo là nhân tố tác động mạnh nhất đến nhu cầu tín dụng chính thức của hộ Khmer, còn loại hình nghề nghiệp là nhân tố tác động mạnh nhất đến nhu cầu tín dụng chính thức của người Chăm.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quốc Nghi (2010), Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của nông hộ sản xuất lúa ở Đồng Tháp. Tạp chí Hoạt động Khoa học, tháng 7 năm 2010.
2. Trương Đông Lộc, Trần Bá Duy (2008) "Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang", Tạp chí Ngân hàng.
3. Yoichi Izumida và Phạm Bao Duong (2002), Rural development finance in Vietnam: A microeconomic analysis of household surveys. World Development.
4. Zeller, Manfred (1994), Determinants of credit rationing: A study of informal lenders and formal credit group in Madagascar. World Development.